

BẢNG GIÁ SỐ 6

PHỤ LỤC 09: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI XÃ BÌNH AN

(Ban hành kèm Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
1	Quốc lộ 19B (Tuyến Gò Găng đi Kiên Mỹ)	Giáp ranh giới thị trấn Phú Phong (cũ)	Ranh giới xã Bình Hoà (cũ)	3.150.000		
		Ranh giới xã Bình Hoà (cũ)	Cầu Bà Tại	4.200.000		
		Cầu Bà Tại	Cầu Cống Đá	2.520.000		
		Cầu Cống Đá	Hết ranh giới xã Bình Hòa (cũ)	3.150.000		
		Hết ranh giới xã Bình Hòa (cũ)	Cuối Cầu Mỹ An	3.570.000		
		Ranh giới xã Bình Hòa (cũ)	Cuối Cầu Mỹ An (đoạn đường tránh)	3.260.000		
		Giáp Cầu Mỹ An	Giáp Cầu Hóc Lớn thôn Đại Chí	1.680.000		
2	Đường Tây tỉnh (ĐT638)	Cầu An Thái	Giáp đường đi An Chánh	2.100.000		
		Giáp đường đi An Chánh	Giáp đường Quốc lộ 19B	3.680.000		
		Quốc lộ 19B (xã Tây Bình cũ)	Ranh giới xã Bình Hiệp (Lỗ Hạ Đạt)	1.260.000		
3	Tuyến từ đường Quốc lộ 19B đi Hà Nhe	Cầu Văn Phong (dưới UBND xã Bình Thành cũ)	Suối Nhiên	1.260.000		
		Suối Nhiên	Ranh giới xã Tây Giang (cũ)	840.000		
4	Tuyến từ Quán 50 đến giáp đường ĐT 638 (Đường Tây tỉnh)	Từ Quán 50	Cầu Văn Phong (thôn Kiên Ngãi)	3.150.000		
		Cầu văn Phong	Giáp ngã 3 điểm rẽ đoạn xây dựng mới	2.630.000		
		Đoạn xây dựng mới từ thôn Kiên Ngãi (cũ)	Thôn Phú Hưng	1.680.000		
5	Đường từ QL19B đi Tây Bình cũ (ĐH28)	Quốc lộ 19B	Ranh giới xã Bình Hòa và thị trấn Phú Phong (cũ)	2.100.000		
		Đoạn còn lại		1.680.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
6	Đường Tây Vinh - Cát Hiệp	Từ khu dân cư Sa Ngành tới giáp xã Bình Hiệp		840.000		
7	Đường từ ngã 3 đi Tây Vinh thuộc xã Tây Bình (cũ) đi An Chánh (tính đến tháp Dương Long)	Đường từ ngã 3 đi Tây Vinh thuộc Mỹ An đi xóm 10, An Chánh, Tây Bình (cũ)		2.520.000		
8	Tuyến đường mới từ Đập dâng Phú Phong đến Quốc lộ 19B (Quán 50, xã Bình Thành cũ)			3.680.000		
9	Đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong (cũ)			2.850.000		
10	Đường từ ngã 4 Trụ Sở Tây Vinh đi Nhơn Mỹ đến giáp đường cao tốc	Ngã 4 Trụ Sở Tây Vinh đi Nhơn Mỹ	Giáp đường cao tốc	1.800.000		
11	Đường từ ngã 3 Trung tâm Bình Thành đi TTHL Quốc gia 2			600.000		
12	Đường từ cổng thôn An Vinh 1 đến Gò Dài, Tây Vinh	Cổng thôn An Vinh 1	Gò Dài, Tây Vinh	600.000		
13	Đường từ Ngã 3 Trường Tiểu học đến Cổng ông Dương, Tây Vinh	Ngã 3 Trường Tiểu học	Cổng ông Dương, Tây Vinh	700.000		
14	Đường Bờ kè An Vinh 1	Nhà ông Hải	Chùa Hội Nguyên	600.000		
15	Đường từ Ngã 4 Trường THCS đến Trụ sở thôn Nhơn Thuận	Ngã 4 Trường THCS	Trụ sở thôn Nhơn Thuận	550.000		
16	Đường từ Ngã 4 Gò Thu đi Nhơn Mỹ			550.000		
17	Đường từ cổng thôn An Vinh 2 đến Bụi tre 1 xóm 6	Cổng thôn An Vinh 2	Bụi tre 1 xóm 6	500.000		
18	Đường từ QL19B đến chùa Vĩnh Lộc	QL19B	Chùa Vĩnh Lộc	800.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
19	Đường bê tông từ Kiên Thành thị trấn Phú Phong (cũ) đến giáp Quốc lộ 19B đi Hà Nhe	Giáp đường Kiên Thành thị trấn Phú Phong cũ (Suối bà Trung)	Giáp đường Quốc lộ 19B đi Hà Nhe	840.000		
20	Khu Tái định cư Trường Định 2 phục vụ Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	Đường Vành đai phía Bắc (VĐ), lộ giới 30m		2.060.000		
21	Dự án: Xây dựng hạ tầng Khu dân cư Mỹ An, phía Bắc QL 19B xã Tây Bình (cũ)	Đường dọc theo QL 19B		6.830.000		
		Đường đầu nối với Quốc lộ		6.300.000		
		Các tuyến đường còn lại		5.780.000		
		Đường ĐS8 Lộ giới 14m		5.780.000		
		Đường ĐS9 Lộ giới 14m		5.780.000		
		Đường ĐS10 Lộ giới 14m		5.780.000		
		Đường ĐS11 Lộ giới 14m		5.780.000		
		Đường ĐS12 Lộ giới 14m		5.780.000		
		Đường ĐS13 Lộ giới 14m		5.780.000		
		Đường ĐS14 Lộ giới 14m		5.780.000		
		Đường N1 Lộ giới 21m		6.830.000		
		Đường N4 Lộ giới 16m		5.780.000		
		Đường N5 Lộ giới 14m		5.780.000		
		Đường N6 Lộ giới 18m		6.300.000		
22	Khu Tái định cư cao tốc, xã Tây Vinh (cũ)	Đường D3		3.680.000		
		Các lô đất còn lại		3.470.000		
23	Khu dân cư Chợ Bình Thành	Các lô đất quay mặt chợ và đường vào (cổng chính)		3.470.000		
		Các lô đất còn lại		2.940.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
24	Khu dân cư chợ Bình Hòa	QL19B	Mương Văn Phong	3.780.000		
		Các lô đất đổi diện chợ và công viên cây xanh		3.990.000		
		Các lô đất còn lại		3.680.000		
25	Khu Tái định cư Thôn Tây Vinh	Đường N1, lộ giới 16m		3.680.000		
		Đường N2, lộ giới 18m		3.830.000		
		Đường N3, lộ giới 18m		3.830.000		
		Đường D1, lộ giới 16m		3.680.000		
		Đường D2, lộ giới 16m		3.680.000		
		Đường D3, lộ giới 24m		4.490.000		
26	Khu Tái định cư Trường Định 2 phục vụ Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	Đường D5A, lộ giới 15m		1.620.000		
		Đường D5, lộ giới 12m		1.530.000		
		Đường D1, lộ giới 20m		1.680.000		
		Đường D2, N1, N2, N4, N5 lộ giới 16m		1.560.000		
		Đường N3, lộ giới 28m		1.920.000		
		Đường ĐS2, ĐS4, ĐS8, ĐS10, ĐS17 lộ giới 18m		1.620.000		
		Đường ĐS6, ĐS9 lộ giới 14m		1.500.000		
		Đường ĐS7, lộ giới 19,5m		1.670.000		
		Đường ĐS9, lộ giới 14m		1.500.000		
		Đường ĐS11, lộ giới 14m		1.500.000		
		Đường ĐS13, lộ giới 14m		1.500.000		
		Đường ĐS15, lộ giới 14m		1.500.000		
27	Khu vực 1			480.000	400.000	340.000
28	Khu vực 2			410.000	350.000	320.000
29	Khu vực 3			350.000	330.000	300.000